

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-PT

Ngày 13/5/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Bá Dự;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Ngọc Ba;

Ông Đỗ Văn Hiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Minh Chiến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Lê Thế Nhơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2019/TLPT-DS ngày 4 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm 40/2019/DS -ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 2 năm 2020, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị T; địa chỉ: Số nhà 376 đường P, tổ 9, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thế P, chị Huỳnh Thị Thảo N; cùng địa chỉ: số nhà 342 đường P, tổ 9, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Vũ Đình Khẩn; địa chỉ: số nhà 789 đường H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (theo giấy ủy quyền ngày 23-1-2019). Có mặt

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Số nhà 376 đường P, tổ 9, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

4. **Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị Toàn T; địa chỉ: Số nhà 376 đường P, tổ 9, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

5. **Người kháng cáo:** Bị đơn là anh Nguyễn Thế P, chị Huỳnh Thị Thảo N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Chị Huỳnh Thị Thảo N và anh Nguyễn Thế P là cháu dâu và cháu nội của bà. Ngày 8-1-2016, vợ chồng chị N vay của vợ chồng bà 230.000.000 đồng để buôn bán, có viết giấy mượn tiền, hẹn đến ngày 18-3-2017 sẽ thanh toán cả gốc và lãi. Sau đó, vợ chồng chị N đã trả cho bà 160.000.000 đồng còn nợ lại bà 70.000.000 đồng.

Năm 2013, bà Nguyễn Thị Toàn Th (con ruột của bà T) vay của bà 400.000.000 đồng. Năm 2016, bà T yêu cầu bà Th trả số tiền trên nên bà Th đã chuyển nhượng cho vợ chồng chị N 1 lô đất với giá 500.000.000 đồng, vợ chồng chị N trả được 100.000.000 đồng còn 400.000.000 đồng còn lại được bà T, bà Th và vợ chồng chị N thống nhất cân trừ vào khoản nợ mà bà Th còn nợ bà T từ năm 2013 như đã nêu trên. Sau khi thống nhất chuyển giao nghĩa vụ trả thì ngày 17-10-2016, chị N viết “*Giấy nợ tiền*” và cùng anh P ký vào giấy nợ, bà Th làm chứng. Từ khi viết giấy nợ đến nay vợ chồng chị N chưa trả cho bà một đồng nào.

Như vậy, vợ chồng chị N còn nợ vợ chồng bà 470.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của số tiền này từ khi vay tiền đến nay. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị N phải liên đới trả cho vợ chồng bà số tiền nêu trên.

Phía bị đơn trình bày như sau:

Giấy nợ ngày 8-1-2016 vợ chồng chị không nhớ vì thời gian đã lâu nên đề nghị bà T cung cấp bản gốc và phần che phía dưới để xác định rõ hơn.

Đối với giấy nợ ngày 17-10-2016, vợ chồng chị có nói chuyện với bà T muốn mua một miếng đất để ở, bà T bảo đi mua đi bà sẽ cho vay 400.000.000 đồng rồi bảo chị N viết giấy nợ để chiều chở bà xuống ngân hàng rút tiền. Vì nghĩ là bà cháu và đã đặt cọc tiền cho chủ đất rồi nên chị N viết giấy nợ nhưng sau đó bà T không đồng ý cho vay nữa. Trong sự việc này bà Nguyễn Thị Toàn Th chỉ làm chứng khi viết giấy nợ chứ không thấy việc bà T giao tiền. Thực tế, vợ chồng chị không vay 400.000.000 đồng của vợ chồng bà T như bà T đã trình bày. Do chủ quan nên vợ chồng chị không lấy lại bản gốc giấy nợ tiền ngày 17-10-2016.

Tại bản tự khai ngày 4-7-2019, bị đơn là chị Huỳnh Thị Thảo N và anh Nguyễn Thế P thừa nhận vợ chồng chị đã mua 1 miếng đất tại đường S của bà Nguyễn Thị Toàn Th với giá 550.000.000 đồng, có lập hợp đồng chuyển nhượng và được công chứng. Ngày 13-10-2016, chị N vay tiền Ngân hàng BIDV 550.000.000 đồng để kịp tối ngày 17-10-2016 giao tiền cho bà Th. Chị N và anh P không thừa nhận có sự cân trừ của bà Th, vì không có văn bản thỏa thuận nào.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Vũ Đình Khản trình bày:
Hiện nay, bị đơn còn nợ vợ chồng bà Tâm 470.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của số tiền này tính từ ngày vay tiền đến nay theo mức lãi suất của pháp luật

dân sự. Tuy nhiên, vợ chồng chị N đang gặp khó khăn nên xin được trả cho bà T, ông T mỗi năm 100.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T trình bày: Đồng ý với nội dung trình bày của bà T.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị Toàn Th trình bày: Ngày 15-3-2013, bà vay của bà T 400.000.000 đồng nhưng chưa trả. Năm 2016, bà T đòi tiền nên bà Th chuyển nhượng cho vợ chồng chị N 1 lô đất ở đường Siu B, phường Đ, thành phố P với giá 500.000.000 đồng. Vợ chồng chị N đã trả cho bà 100.000.000 đồng còn nợ lại 400.000.000 đồng thì thống nhất chuyển cho vợ chồng chị N nhận nghĩa vụ trả nợ cho bà T. Do đó, ngày 17-10-2016, chị N đã viết giấy nợ tiền và cùng anh P ký, có bà làm chứng. Cho nên vợ chồng chị N nợ vợ chồng bà T 400.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 17-10-2016 là có thật.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà T trình bày:

Bà T thống nhất với lời khai của mình trước đây; số tiền cho vay trên là tài sản chung của bà và ông Nguyễn Văn T. Như vậy, hiện nay vợ chồng chị N còn nợ vợ chồng bà 470.000.000 đồng tiền gốc. Bà yêu cầu Tòa án buộc chị N và anh P liên đới trả cho vợ chồng bà 470.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong hạn, lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc nêu trên từ ngày vay cho đến nay theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 91, 227, 228, 144, 147, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 275, 278, 280, 288, 370, 466, 468, 470, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Tâm.

-Buộc chị Huỳnh Thị Thảo N và anh Nguyễn Thế P phải liên đới thanh toán cho bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn T 637.631.520 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng, tiền lãi là 167.631.520 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, thông báo quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30-9-2019, bị đơn là chị Huỳnh Thị Thảo N và anh Nguyễn Thế P kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các thủ tục khai mạc phiên tòa và các thủ tục khác được Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa điều hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các bên đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Bác toàn bộ đơn kháng cáo của bị đơn là chị Huỳnh Thị Thảo N, anh Nguyễn Thế P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn kháng cáo cho rằng vợ chồng bị đơn đã trả đủ tiền mua đất cho bà Th thông qua sổ tiền vay ngân hàng ngày 13-10-2016 nên không có thỏa thuận cản trừ nợ giữa bà Th, vợ chồng bị đơn với bà T nếu có việc cản trừ thì phải có văn bản thỏa thuận, có chữ ký của ba bên rõ ràng nhưng lại không có văn bản thỏa thuận nào mà chỉ có giấy vay tiền giữa vợ chồng bị đơn với bà T là không đúng, bà T không đưa tiền cho bị đơn, bà T cũng không chứng minh đã đưa tiền cho vợ chồng bị đơn vào thời gian, địa điểm nào? Thấy rằng, hợp đồng tín dụng ngày 13-10-2016 giữa Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Gia Lai với Công ty TNHH MTV Phương Hòa Long do bị đơn cung cấp thể hiện rõ mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chứ không phải nhằm mục đích mua đất. Hơn nữa, chủ thể vay là Công ty TNHH MTV Phương Hoà Long chứ không phải vợ chồng bị đơn. Ngoài hợp đồng tín dụng trên thì bị đơn cũng không đưa ra chứng cứ chứng minh đã giao đủ tiền mua đất cho bà Nguyễn Thị Toàn Th. Như vậy, chứng cứ mà bị đơn đưa ra không phải là chứng cứ để chứng minh cho phần trình bày của bị đơn.

[2] Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng công chứng X thì ngày 17-10-2016 bà Nguyễn Thị Toàn Th chuyển nhượng một thửa đất tại đường S cho vợ chồng bị đơn, cùng ngày bị đơn viết “*Giấy nợ tiền*” cho nguyên đơn. Người làm chứng là bà Nguyễn Thị Toàn Th cung cấp cho Tòa án “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 15-3-2013 thể hiện bà Th còn nợ bà T 400.000.000 đồng. Từ những tình tiết, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có thể khẳng định mặt dù không có văn bản nào thỏa thuận việc cản trừ nợ giữa các bên

nhưng việc người có quyền là bà Lê Thị Tâm đồng ý chuyển giao nghĩa vụ trả tiền của bà Nguyễn Thị Toàn Th cho người thay thế nghĩa vụ là chị Huỳnh Thị Thảo N, anh Nguyễn Thế P được thể hiện qua “*Giấy nợ tiền*” là có thật.

Xét bị đơn là người có đủ năng lực hành vi dân sự giấy vay ngày 17-10-2016 cũng do chị N tự nguyện viết và anh P ký mà không bị ai ép buộc. Do đó, “*Giấy nợ tiền*” ngày 17-10-2016 do nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để chứng minh vợ chồng bị đơn còn nợ vợ chồng bà T 400.000.000 đồng.

Ngoài ra, tại biên bản hòa giải ngày 21-5-2019 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng đã thừa nhận bị đơn còn nợ bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn T 470.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này tính từ ngày vay tiền cho đến nay.

[3] Bị đơn cho rằng bà Th là con ruột của bà T nên việc bà Th làm chứng là không khách quan thì thấy rằng bị đơn là cháu nội và cháu dâu của bà T, anh Hà Trung T và chị Nguyễn Phương L cũng là cháu ngoại và cháu nội của bà T nên kháng cáo nêu trên của bị đơn không có cơ sở.

[4] Xét toàn bộ nội dung vụ án và các chứng cứ tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà T và người làm chứng chị Th trình bày thì số tiền 400.000.000 đồng trong vụ án này có liên quan đến chị Th mà các bên đương sự đang tranh chấp, nhưng tòa án cấp sơ thẩm xác định chị Th là người làm chứng là chưa chính xác. Nhưng HĐXX thấy việc này không làm thay đổi bản chất và nội dung của vụ án, nên vẫn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí:

Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là chị Huỳnh Thị Thảo N, anh Nguyễn Thế P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS -ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Áp dụng các Điều 275, 278, 280, 288, 370, 466, 468, 470, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị T.

Buộc chị Huỳnh Thị Thảo N và anh Nguyễn Thế P phải liên đới thanh toán cho bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn T số tiền 637.631.520 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng, tiền lãi là 167.631.520 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu các bên không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn là chị Huỳnh Thị Thảo N và anh Nguyễn Thế P phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 29.505.260 đồng.

Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà Lê Thị T 14.913.600 đồng còn lại trong tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.413.600 đồng sau khi trừ đi số tiền 2.500.000 đồng đã tuyên trả lại cho bà Lê Thị T tại Quyết định đình chỉ số 23/2019/QĐST-DS ngày 29-3-2019 của Tòa án nhân dân thành phố P theo biên lai số 0004232 ngày 03-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc anh Nguyễn Thế P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001991 ngày 4 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; anh Nguyễn Thế P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Buộc chị Huỳnh Thị Thảo N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001992 ngày 4 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; chị Huỳnh Thị Thảo N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, TDS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Giáp Bá Dự